

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu	A
01	B11	B11-01	C12-03	Đào Ngọc Anh	x	8.90	HSG	25.3
02	B11	B11-02	C06-03	Lê Hoàng Anh		7.80	HSTT	26.7
03	B11	B11-03	C10-02	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	x	9.30	HSG	29
04	B11	B11-04	C13-03	Nguyễn Thị Trâm Anh	x	8.90	HSG	25.2
05	B11	B11-05	C09-02	Nguyễn Lê Gia Ân		9.20	HSG	27.7
06	B11	B11-06	C15-03	Nguyễn Gia Bảo		8.60	HSG	25
07	B11	B11-07	C13-07	Võ Thành Đạt		8.60	HSTT	23.8
08	B11	B11-08	C15-05	Trần Hải Đông		8.80	HSG	25.2
09	B11	B11-09	C08-11	Võ Anh Đức		8.10	HSTT	24.2
10	B11	B11-10	C13-09	Lê Trịnh Trường Giang		8.70	HSG	25
11	B11	B11-11	C05-09	Nguyễn Trung Hiếu		9.00	HSG	26.4
12	B11	B11-12	C09-09	Trần Thị Hoàng Hoa	x	8.60	HSTT	23.6
13	B11	B11-13	C15-11	Nguyễn Gia Huy		9.00	HSG	26.9
14	B11	B11-14	C13-14	Nguyễn Xuân Hùng		9.10	HSG	26.2
15	B11	B11-15	C01-19	Nguyễn Văn Duy Hưng		8.60	HSG	24.2
16	B11	B11-16	C05-12	Nguyễn Hiếu Khoa		9.10	HSG	27.1
17	B11	B11-17	C15-12	Phan Nguyễn Nam Khôi		8.70	HSG	24.6
18	B11	B11-18	C02-20	Võ Anh Kiệt		8.70	HSG	25
19	B11	B11-19	C03-17	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	x	9.00	HSG	26.4
20	B11	B11-20	C15-16	Huỳnh Phước Lộc		8.60	HSG	27.3
21	B11	B11-21	C06-17	Đặng Hồng Minh		9.20	HSG	28.7
22	B11	B11-22	C15-20	Ngô Công Minh		9.00	HSG	27.1
23	B11	B11-23	C15-19	Nguyễn Hồ Gia Minh		8.60	HSG	24.4
24	B11	B11-24	C11-24	Lê Đình Hoàng Nam		8.60	HSTT	23.9
25	B11	B11-25	C09-20	Tạ Nguyễn Hoài Nam		9.00	HSG	27.8
26	B11	B11-26	C06-21	Trương Khánh Ngân	x	9.00	HSG	26.4
27	B11	B11-27	C15-23	Huỳnh Thuỳ Mỹ Ngọc	x	8.90	HSG	24.4
28	B11	B11-28	C14-26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	x	9.00	HSG	25.9
29	B11	B11-29	C13-25	Huỳnh Lê Thành Nhân		8.50	HSG	24.4
30	B11	B11-30	CT15	Võ Trần Minh Nhật				
31	B11	B11-31	C06-27	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	x	8.80	HSG	24.7
32	B11	B11-32	C02-27	Phạm Vũ Tuyết Nhi	x	8.60	HSTT	23.9
33	B11	B11-33	C06-32	Đồng Thị Như	x	8.80	HSG	23.8
34	B11	B11-34	C15-28	Đinh Tiên Phát		9.10	HSG	27.8
35	B11	B11-35	C15-27	Nguyễn Khải Phát		8.80	HSG	24.8
36	B11	B11-36	C12-27	Phạm Huỳnh Phúc		8.70	HSG	24.5
37	B11	B11-37	C14-29	Trần Hữu Phước		8.00	HSG	25.2
38	B11	B11-38	C08-36	Phạm Phương Thảo		8.60	HSTT	24.5
39	B11	B11-39	C09-33	Trần Quyết Thắng		8.70	HSTT	24.4
40	B11	B11-40	C07-37	Phạm Thanh Thủy	x	9.00	HSG	25
41	B11	B11-41	C11-40	Đặng Ngọc Anh Thư	x	8.80	HSTT	24.6
42	B11	B11-42	C03-32	Phạm Hoàng Anh Thư	x	9.00	HSG	25.6
43	B11	B11-43	C08-39	Nguyễn Trọng Toàn		8.20	HSG	24.7
44	B11	B11-44	C04-37	Võ Ngọc Trai		8.60	HSG	24.3
45	B11	B11-45	C15-39	Đào Phương Thùy Trang	x	8.40		24.4
46	B11	B11-46	C08-41	Huỳnh Lê Gia Tuệ	x	8.50	HSTT	25.7
47	B11	B11-47	C15-42	Nguyễn Ngọc Tường Vân	x	9.00	HSG	26.2
48	B11	B11-48	C08-42	Lê Hoàng Vĩnh		8.70	HSG	26.5